

Số: 44/2020/QĐST-KDTM

Tân Phú, ngày 10 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Trụ sở: 442 đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Sỹ H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà A, 444A-446 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 464/UQ-QLN.19 ngày 04/12/2019)

Bị đơn: Công ty TNHH D; Địa chỉ: 105 đường K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê G, sinh năm 1955; Ngụ tại: 377 đường H, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê G, sinh năm 1955; Ngụ tại: 377 đường H, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Diễm T, sinh năm 1961; Ngụ tại: 377 đường H, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê D, sinh năm 1982; Ngụ tại: 377 đường H, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty Cổ phần Nước Giải Khát B; Trụ sở: 377 đường H, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Cổ phần Nước Giải Khát B: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1979; Ngụ tại: 41 đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2020)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về công nợ: Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH D cùng thống nhất tính đến ngày 31/7/2020 Công ty TNHH D còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền của các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số THD.DN.02221209 ngày 23/12/2009, Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TDU.DN.07.111011/TT ngày 11/10/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng số TDU.DN.07.111011/TT/PL01 ngày 20/02/2013, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số KIT.DN.115.121113 ngày 14/11/2013 cùng các Khế ước nhận nợ số KIT.DN.115.121113/KUNN14 (173804129) ngày 11/02/2014 được sửa đổi bổ sung bằng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KIT.DN.115.121113/SĐBS 01 ngày 29/8/2014, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 02 ngày 31/8/2015, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 03 ngày 30/8/2016, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 04 ngày 18/7/2018; Khế ước nhận nợ số KIT.DN.115.121113/KUNN15 (179019389) ngày 13/5/2014 được sửa đổi bổ sung bằng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KIT.DN.115.121113/SĐBS 01 ngày 29/8/2014, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 02 ngày 31/8/2015, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 03 ngày 30/8/2016, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 04 ngày 18/7/2018 là **3.325.113.315 đồng** (ba tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn ba trăm mười lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 2.894.960.146 đồng, lãi trong hạn là 9.827.794 đồng, lãi quá hạn là 420.325.375 đồng.

b) Về trách nhiệm thanh toán:

Công ty TNHH D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ từ các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên tính đến ngày 31/7/2020 là **3.325.113.315 đồng** (ba tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn ba trăm mười lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 2.894.960.146 đồng, lãi trong hạn là 9.827.794 đồng, lãi quá hạn là 420.325.375 đồng.

c) Về phương thức thanh toán:

- Từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2022 (18 tháng), mỗi tháng công ty TNHH D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 150.000.000 đồng. Thanh toán chậm nhất vào ngày 30 hàng tháng. Tổng số tiền tính từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2022 Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

- Chậm nhất ngày 28/02/2022: Công ty TNHH D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn lại là 625.113.315 đồng.

Công ty TNHH D phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01/8/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số THD.DN.02221209 ngày 23/12/2009, Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TDU.DN.07.111011/TT ngày 11/10/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng số TDU.DN.07.111011/TT/PL01 ngày 20/02/2013, Hợp đồng cấp tín dụng hạn

mức số KIT.DN.115.121113 ngày 14/11/2013 và tại các Khế ước nhận nợ số KIT.DN.115.121113/KUNN14 (173804129) ngày 11/02/2014 được sửa đổi bổ sung bằng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KIT.DN.115.121113/SĐBS 01 ngày 29/8/2014, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 02 ngày 31/8/2015, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 03 ngày 30/8/2016, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 04 ngày 18/7/2018; Khế ước nhận nợ số KIT.DN.115.121113/KUNN15 (179019389) ngày 13/5/2014 được sửa đổi bổ sung bằng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KIT.DN.115.121113/SĐBS 01 ngày 29/8/2014, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 02 ngày 31/8/2015, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 03 ngày 30/8/2016, số KIT.DN.115.121113/SĐBS 04 ngày 18/7/2018 cho đến ngày thực tế mà Công ty TNHH D thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH D vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo cam kết trên (không trả đủ số tiền hoặc không đúng thời hạn đã cam kết) thì coi như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ, khi đó Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

- Nhà xưởng tọa lạc tại thửa đất số 642-646, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp nhà xưởng hình thành trong tương lai (không thế chấp quyền sử dụng đất) số 138421 ngày 23/12/2009 lập tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 35060, quyền số 7 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp tại Trung tâm thông tin Tài nguyên Môi trường và đăng ký nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/12/2009.

- Nhà xưởng tọa lạc tại thửa đất số 642-646, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để vay vốn bổ sung số TDU.BĐDN.08.111011/TT ngày 12/10/2011 lập tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 25098, quyền số 6 TP/CC-SCC/HĐGD.

Trong trường hợp, công ty TNHH D không thanh toán được nợ đúng theo thỏa thuận và phải phát mãi tài sản nêu trên để thu hồi nợ thì công ty Cổ phần Nước Giải Khát B đồng ý bàn giao lại nhà xưởng đang thuê của công ty TNHH D (theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/HĐTNX-DT/2019 01/02/2019 giữa công ty TNHH D và công ty Cổ phần Nước Giải Khát B) cho công ty TNHH D để Ngân hàng TMCP A và cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu giữa công ty TNHH D và công ty Cổ phần Nước Giải Khát B có tranh chấp liên quan đến việc thuê nhà xưởng thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

d) Ông Lê G, ông Lê D, bà Lê Thị Diễm T (với tư cách là bên bảo lãnh theo Thư bảo lãnh lập ngày 14/11/2013) có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH D các khoản nợ của Công ty TNHH D với Ngân hàng TMCP A khi Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và số tiền thu được từ việc xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ được bảo lãnh bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo lãnh với Ngân hàng TMCP A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác).

e) Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 49.251.133 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm ba mươi ba đồng) do công ty TNHH D tự nguyện chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 55.429.482 đồng (năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0020306 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thành)

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Thị Hương